

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/LĐ-PT

Ngày: 01-11-2023

“V/v tranh chấp về đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thuý

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữn
Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số số 14/2023/TLPT-LĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐ-PT ngày 09/10/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc D, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số C Khu V, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D1

Địa chỉ trụ sở chính: Số C Hồ V, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lai Hui H – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Tạ Ái L, sinh năm 1983 – Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ: Số C Hồ V, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2023) (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Trang N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số C B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2023) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn, bà Đặng Thị Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc D trình bày:

Bà Đặng Thị Ngọc D vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D1 – Chi nhánh L1 (sau đây gọi tắt là Công ty D1) từ ngày 29/08/2022. Đến ngày 05/9/2022, bà D với Công ty D1 ký Hợp đồng lao động số 027703 F3-PPA4-T ngày 05/09/2022 có thời hạn từ ngày 05/09/2022 đến ngày 31/8/2025. Trong quá trình làm việc tại Công ty, bà D luôn chấp hành đúng nội quy lao động, hoàn thành tốt công việc được giao, chưa từng bị kỷ luật và được Công ty K. Nhưng đến tháng 3/2023, bà D nhận được thông báo của Công ty về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà D với lý do là tình giảm lao động vì lý do kinh tế.

Đến ngày 29/3/2023, Công ty gửi thông báo sẽ để bà D lao động đến ngày 29/4/2023 vì lý do Công ty thu hẹp hợp đồng và tình giảm lao động theo Phương án sử dụng lao động số 01/PA/2023 ngày 31/01/2023.

Ngày 23/02/2023, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L có Công văn số 632/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN về việc thực hiện phương án sử dụng lao động của Công ty TNHH D1 – Chi nhánh L1: “*Các Thông báo số 01/CV/2023 ngày 31/01/2023 và số 02/CV/2023 ngày 14/02/2023 về việc tình giảm lao động vì lý do kinh tế; các Phương án sử dụng lao động số 01/PA/2023 ngày 31/01/2023 và 02/PA/2023 ngày 14/02/2023; các Biên bản cuộc họp số 01/CV/2023 ngày 31/01/2023 và số 02/CV/2023 ngày 14/02/2023 về việc lấy ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở về việc tình giảm lao động kèm theo danh sách dự kiến 640 người lao động bị mất việc làm*”.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 42 của Bộ luật Lao động trong trường hợp vì lý do kinh tế mà nhiều lao động có nguy cơ mất việc làm, phải thôi việc thì người sử dụng lao động phải xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 44 của Bộ luật Lao động và căn cứ theo Điều 44 Bộ luật Lao động thì phương án sử dụng lao động thì phía Công ty D1 chưa được thông qua. Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Lao động thì phía Công ty phải nhận bà D trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, phải trả tiền lương đầy đủ cho bà D. Bà D không thuộc diện phải tinh giảm theo quy định pháp luật. Bà D không phải là công nhân

làm việc không có năng lực, mà bà D làm việc có năng lực. Do đó, Công ty đưa bà D vào danh sách phải tinh giảm là trái quy định pháp luật.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty D1 phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng lao động số 027703 F3-PPA4-T ngày 05/9/2022 đối với bà Đặng Thị Ngọc D và thu hồi Thông báo số 027703/29032027 ngày 23/9/2023 của Công ty D1.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D1 do bà Tạ Ái L và bà Nguyễn Thị Trang N đại diện theo ủy quyền cùng trình bày:

Bà Đặng Thị Ngọc D vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D1 – Chi nhánh L1 từ ngày 29/08/2022. Công ty D1 và bà Đặng Thị Ngọc D có ký Hợp đồng lao động số 027703 F3-PPA4-T ngày 05/09/2022 có thời hạn từ ngày 05/09/2022 đến ngày 31/08/2025. Do tình hình kinh tế thế giới bị suy thoái, Công ty không có đơn hàng nên Công ty phải thu hẹp sản xuất và tinh giảm một số lao động dôi dư.

Ngày 30/01/2023, Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty tại chi nhánh L1 đã tiến hành họp lấy ý kiến về việc tinh giảm lao động và đã đạt được 100% tỷ lệ thông qua theo Biên bản họp số 01/CV/2023.

Ngày 31/01/2023, Công ty D1 xây dựng Phương án sử dụng lao động số 01/PA/2023 về việc sắp xếp lại lao động, theo đó, số lao động tinh giảm là 580 người. Bà Đặng Thị Ngọc D thuộc danh sách này. Công ty D1 cũng có thông báo Phương án sử dụng lao động đến người lao động.

Ngày 31/01/2023, Công ty D1 có Thông báo số 01/CV/2023 gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh L, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L thông báo về việc tinh giảm lao động. Ngày 23/02/2023, Công ty có nhận được Công văn số 632/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L về việc thực hiện phương án sử dụng lao động của Công ty.

Ngày 28/02/2023, đại diện Công ty T và thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Ngọc D nhưng bà D không đồng ý nên Công ty buộc phải đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà D theo quy định. Ngày 03/03/2023, đại diện Công ty P Thông báo số 027703/04032023 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà D kể từ ngày 03/04/2023 và do bà D chưa làm việc cho Công ty đủ 12 tháng trở lên, nên bà D không nhận được trợ cấp mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, bà D sẽ nhận được khoản hỗ trợ theo phương án sử dụng lao động của Công ty là 2.026.087 đồng (nửa tháng lương theo hợp đồng lao động). Bà Đặng Thị Ngọc D đã nhận thông báo, nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản họp.

Ngày 29/03/2023, Công ty ra Quyết định số 001/29032023 thu hồi Thông báo số 027703/04032023, đồng thời ban hành Thông báo số 027703/29032023 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Ngọc D kể từ ngày 29/04/2023.

Ngày 04/04/2023, Công ty có nhận được phiếu chuyển đơn của Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L về việc giải quyết đơn xin cứu xét của bà Đặng Thị Ngọc D. Công ty cũng có Công văn phản hồi số DS22042023 vào ngày 22/4/2023 đến Thanh tra sở về tình hình khó khăn của Công ty nên không thể tạo điều kiện cho bà D tiếp tục làm việc. Công ty đã chi trả lương, khoản hỗ trợ cho bà D theo đúng như quy định. Bà Đặng Thị Ngọc D đã không đến làm thủ tục thôi việc và trả lại thẻ theo nội quy Công ty. Hiện nay, Công ty đã đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà D.

Nay bà Đặng Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Công ty D1 thu hồi Thông báo số 027703/29032023 và tiếp tục thực hiện Hợp đồng lao động số 027703 F3-PPA4-T thì Công ty không đồng ý. Bởi vì, Công ty D1 nhận thấy Công ty đã thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động với bà D theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Lao động. Do đó, Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc D.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 10-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã xử:

“Căn cứ các Điều 32; 40; 147; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 34; 42, 44, 45 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng lao động số 027703 F3-PPA4-T ngày 05/9/2022 đối với bà Đặng Thị Ngọc D và thu hồi Thông báo số 027703/29032027 ngày 23/9/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 – Chi nhánh L1.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc D được miễn án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 21-8-2023, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn trình bày, trong quá trình làm việc tại công ty, bà luôn chấp làm đúng theo quy định về giờ giấc làm việc, luôn hoàn thành tốt công việc Công ty giao, chưa từng sai phạm và chưa từng bị kỷ luật, được lãnh đạo công ty khen thưởng và được mọi người tại Công ty Q. Bà không thuộc diện phải tinh giảm biên chế theo quy định pháp luật vì bà không phải là công nhân làm việc không có năng lực, lương cao, lớn tuổi. Do đó, Công ty đưa bà vào danh sách phải tinh giảm biên chế là trái quy định của pháp luật. Công ty T1 không phải vì bà không có năng lực mà do Công ty đang ép buộc bà nghỉ, Công ty tinh giảm do bà là người lanh lợi nên một số cán bộ trong Công ty không thích bà nên không cho bà tiếp tục làm việc. Quá trình làm việc, bà thường bị cán bộ Công ty gây áp lực phải ký các biên bản làm việc của Công ty. Công ty trình bày bà không phối hợp với mọi người trong Công ty là không đúng nên không có việc người trong chuyện không thích làm việc cùng với bà, việc các công nhân trong chuyện đồng ý ký tên vào các biên bản của Công ty là do những người ký tên sợ mất việc nên buộc phải ký tên. Việc bà nói chuyện lớn tiếng và nhiều lần xảy ra cự cãi trong Công ty là do bản thân bà quá bức xúc với những hành động của một số cán bộ trong Công ty nên mới có phản ứng như vậy. Hiện hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, trong khoảng thời gian nghỉ việc bà không có thu nhập, hiện trong xưởng không ai bị tinh giảm chỉ có bản thân bà là bị tinh giảm và hiện các công nhân Công ty vẫn còn đang tăng ca nên không có việc Công ty tinh giảm lao động do không có đơn hàng. Theo cuốn sổ tay sản lượng mà bà ghi lại thì sản lượng bà đã hoàn thành rất tốt. Hiện nay, gia đình bà gặp nhiều khó khăn về kinh tế, bà cũng chỉ mới xin việc tại công ty mới được vài hôm, trong quá trình làm việc tại Công ty D1, bà luôn chấp hành đúng nội quy lao động, hoàn thành tốt công việc được giao, bà chưa từng bị kỷ luật và được Công ty khen thưởng nên bà không đồng ý về việc Công ty Đ chấm dứt hợp đồng lao động với bà và đề nghị Công ty nhận bà lại làm việc cho đến hết thời hạn hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Tạ Ái L và bà Nguyễn Thị Trang N thống nhất trình bày: Công ty cũng đã rất cân nhắc về các phương án nhận người lao động trở lại làm việc nhưng hiện tình hình kinh tế Công ty vẫn đang rất khó khăn nên không thể giải quyết để nhận lại bà D. Việc bà D trình bày quá trình làm việc bà được Công ty K là không đúng vì trong quá trình làm việc bà D thường không hợp tác và các sản phẩm bà D làm phải chỉnh sửa nhiều lần, những công nhân làm chung chuyện với bà D đều có ý kiến xin không làm chung chuyện với bà D, quá trình làm việc bà D thường xuyên lớn tiếng, ồn ào, gây mất trật tự, tự ý rời khỏi nơi làm việc mà không có sự đồng ý của cán bộ Công ty nên bị Công ty lập biên bản xử lý kỷ luật nhiều lần. Công ty D1 nhận thấy Công ty đã thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động với bà D theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Lao động và

hiện tại Công ty cũng không có nhiều đơn hàng để làm nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện do tình hình kinh tế khó khăn nên Công ty phải thu hẹp sản xuất, tổ chức lại lao động và tinh giảm 580 người dôi dư, trong đó có bà Đặng Thị Ngọc D. Trước khi tiến hành tinh giảm lao động thì Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty D1 tại Chi nhánh L1 đã tiến hành họp lấy ý kiến về việc tinh giảm lao động và đã đạt được 100% tỷ lệ thông qua theo Biên bản họp số 01/CV/2023 ngày 30/01/2023. Đến ngày 31/01/2023, Công ty X sử dụng lao động số 01/PA/2023 về việc sắp xếp lại lao động, theo đó số lao động tinh giảm là 580 người, bà D thuộc danh sách này. Công ty cũng có thông báo phương án sử dụng lao động đến người lao động là phù hợp với khoản 2 Điều 44 của Bộ luật Lao động.

Ngày 31/01/2023, Công ty có Thông báo số 01/CV/2023 gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh L, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L thông báo về việc tinh giảm lao động. Ngày 23/02/2023, Công ty có nhận được Công văn số 632/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L về việc thống nhất thực hiện phương án sử dụng lao động của Công ty. Từ đó, xác định nguyên nhân chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Đặng Thị Ngọc D là đúng quy định tại khoản 11 Điều 34, khoản 2 Điều 42 Bộ luật Lao động.

Ngày 28/02/2023, đại diện Công ty T và thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Ngọc D nhưng bà không đồng ý nên Công ty buộc phải đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà D theo quy định. Đến ngày 03/03/2023, đại diện Công ty phát hành Thông báo số 027703/04032023 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà D kể từ ngày 03/04/2023. Ngày 29/3/2023, Công ty ra Quyết định số 001/29032023 thu hồi Thông báo số 027703/04032023, đồng thời ban hành Thông báo số 027703/29032023 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Ngọc D kể từ ngày 29/04/2023, Hội đồng xét xử nhận thấy bà D thuộc đối tượng người lao động ký hợp đồng xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng nên Công ty D1 đã thông báo cho bà D trước ít nhất 30 ngày là phù hợp với khoản 2 Điều 36, khoản 6 Điều 42 và khoản 1 Điều 45 Bộ luật Lao động.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Đặng Thị Ngọc D là phù hợp theo quy định pháp luật. Công ty D1 đã thực hiện đúng thủ tục về thời hạn thông báo và hỗ trợ khoản tiền trợ cấp thôi việc hợp lý cho bà D nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

bà Đặng Thị Ngọc D là có căn cứ pháp luật, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà D là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng lao động với Công ty D1. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” là đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D1 có địa chỉ trụ sở chính: Số C Hồ V, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên việc ký kết hợp đồng lao động được thực hiện giữa bà D và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D1 – Chi nhánh L1 có địa chỉ tại: Số F, Quốc lộ A, khu A, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Ngọc D về việc Công ty D1 phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng lao động số 027703 F3-PPA4-T ngày 05/9/2022 đối với bà Đặng Thị Ngọc D và thu hồi Thông báo số 027703/29032027 ngày 23/9/2023 của Công ty TNHH D1, thấy rằng:

[3.1] Ngày 28/08/2022, bà D bắt đầu làm việc tại Công ty D1 – Chi nhánh L1 theo Hợp đồng thử việc ngày 29/8/2022, thời gian thử việc từ ngày 29/8/2022 đến ngày 04/9/2022. Đến ngày 05/09/2022, bà D chính thức ký hợp đồng lao động số 027703 F3-PPA4-T với Công ty D1, thời hạn là từ ngày 05/9/2022 đến ngày 31/8/2025. Xét Hợp đồng lao động số 027703 ngày 05/9/2022 ký kết giữa bà D và Công ty D1 là tự nguyện, không có sự ép buộc, hai bên có đầy đủ năng lực pháp luật để ký kết hợp đồng, hình thức cũng như nội dung của hợp đồng lao động là thỏa mãn các điều kiện tại Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Bộ luật Lao động. Vì vậy, hợp đồng lao động giữa bà D và Công ty D1 là hợp pháp.

[3.2] Bà Đặng Thị Ngọc D cho rằng trong quá trình làm việc tại Công ty, bà D luôn chấp hành đúng nội quy lao động, hoàn thành tốt công việc được giao, chưa từng bị kỷ luật và được Công ty K. Bà D không phải là công nhân làm việc không có năng lực, lương cao, lớn tuổi mà bà D làm việc có năng lực. Bà D không thuộc diện phải tinh giảm lao động theo quy định pháp luật. Công ty D1 đưa bà D vào

danh sách phải tinh giảm lao động là trái quy định pháp luật. Ngoài ra, phương án sử dụng lao động của Công ty D1 chưa được cơ quan có thẩm quyền thông qua. Do đó, Công ty D1 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Bà D yêu cầu Công ty D1 phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng lao động số 027703 F3-PPA4-T ngày 05/9/2022 đối với bà Đặng Thị Ngọc D và thu hồi Thông báo số 027703/29032027 ngày 23/9/2023 của Công ty D1.

[3.3] Công ty D1 cho rằng do tình hình kinh tế suy thoái gây khủng hoảng nặng nề đến hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc Công ty đã cố gắng kiếm đơn hàng, điều chuyển một số đơn hàng từ Campuchia về Việt Nam để duy trì sản xuất, đảm bảo việc làm cho công nhân nhưng tình hình không khả thi buộc Công ty phải thu hẹp sản xuất, tổ chức lại lao động và tinh giảm 580 người dôi dư, trong đó có bà Đặng Thị Ngọc D. Trước khi tiến hành tinh giảm lao động thì Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty D1 tại Chi nhánh L1 đã tiến hành họp lấy ý kiến về việc tinh giảm lao động và đã đạt được 100% tỷ lệ thông qua theo Biên bản họp số 01/CV/2023 ngày 30/01/2023. Đến ngày 31/01/2023, Công ty X sử dụng lao động số 01/PA/2023 về việc sắp xếp lại lao động, theo đó số lao động tinh giảm là 580 người, bà D thuộc danh sách này. Công ty cũng có thông báo phương án sử dụng lao động đến người lao động là phù hợp với khoản 2 Điều 44 của Bộ luật Lao động.

[3.4] Ngày 31/01/2023, Công ty có Thông báo số 01/CV/2023 gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh L, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L thông báo về việc tinh giảm lao động. Ngày 23/02/2023, Công ty có nhận được Công văn số 632/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L về việc thống nhất thực hiện phương án sử dụng lao động của Công ty. Từ đó, xác định nguyên nhân chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Đặng Thị Ngọc D là đúng quy định tại khoản 11 Điều 34; khoản 2 Điều 42 Bộ luật Lao động.

[3.5] Ngày 28/02/2023, đại diện Công ty T và thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Ngọc D nhưng bà không đồng ý nên Công ty buộc phải đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà D theo quy định. Đến ngày 03/03/2023, đại diện Công ty phát hành Thông báo số 027703/04032023 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà D kể từ ngày 03/04/2023. Ngày 29/3/2023, Công ty ra Quyết định số 001/29032023 thu hồi Thông báo số 027703/04032023, đồng thời ban hành Thông báo số 027703/29032023 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Ngọc D kể từ ngày 29/04/2023, Hội đồng xét xử nhận thấy bà D thuộc đối tượng người lao động ký hợp đồng xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng nên Công ty D1 đã thông báo cho bà D trước ít nhất 30 ngày là phù hợp với khoản 2 Điều 36, khoản 6 Điều 42 và khoản 1 Điều 45 Bộ luật Lao động.

[3.6] Về tiền trợ cấp thôi việc và đóng bảo hiểm xã hội: Do bà D chưa đủ điều kiện làm việc thường xuyên cho Công ty từ đủ 12 tháng trở lên nên không được hưởng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Lao động.

Tuy nhiên, Công ty D1 đã hỗ trợ cho bà D khoản tiền là 2.026.087 đồng theo phương án sử dụng lao động là hợp lý. Về việc đóng bảo hiểm xã hội, theo Công văn số 276/CV-BHXXH ngày 18/7/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện B ghi nhận trong thời gian bà D làm việc, Công ty D1 đã thanh toán tiền bảo hiểm xã hội hàng tháng cho bà D đúng quy định, đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng lao động, không chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội.

[3.7] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc D. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc D được miễn án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc D.
3. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
4. Căn cứ các Điều 32, Điều 40, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ các Điều 34, Điều 42, Điều 44, Điều 45 của Bộ luật Lao động; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc D về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng lao động số 027703 F3-PPA4-T ngày 05/9/2022 đối với bà Đặng Thị Ngọc D và thu hồi Thông báo số 027703/29032027 ngày 23/9/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 – Chi nhánh L1.
6. Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc D được miễn án phí. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 không phải chịu án phí.
7. Về án phí lao động phúc thẩm: Bà Đặng Thị Ngọc D được miễn toàn bộ án phí lao động phúc thẩm.

8. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 01-11-2023.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy